

BYD

BYD SEAL



3.8 Giây

Tăng tốc 0 - 100 km/h

30 Phút

Sạc nhanh (DC)
SOC 30% - 80%

520 Km

Quãng đường di chuyển
1 lần sạc đầy pin (WLTC)

MÀU NGOẠI THẤT



Arctic Blue



Aurora White



Atlantis Gray



Mystic Green



Cosmos Black

MÀU NỘI THẤT



Black

KÍCH THƯỚC



1,620mm
1,875mm



2,920mm
4,800mm



1,625mm
1,875mm
1,460mm

A close-up view of the front interior of a luxury car. The seats are upholstered in dark leather with a prominent quilted pattern and white stitching. The dashboard and center console feature sleek, modern designs with blue ambient lighting accents. The steering wheel is partially visible, and the overall atmosphere is one of high-end elegance.

A side profile of a blue Audi e-tron GT electric sports car, showing its sleek, aerodynamic design and distinctive multi-spoke wheels. The car is positioned on a light-colored surface against a dark background.

Kích thước	Advanced	Performance	Động cơ và truyền động	Trang bị nội thất	
Chiều dài tổng thể (mm)	4,500	4,500	Động cơ xăng 2.0L	Vô-lăng kèm các nút điều khiển (audio - phone - ACC)	
Chiều rộng tổng thể (mm)	1,800	1,800	Truyền động cơ số tự động	Vô lăng bọc da nhân tạo	
Chiều cao tổng thể (mm)	1,400	1,400	Cánh bảo vệ day an toàn	Vô lăng bọc da tự nhiên	
Vết bánh xe trước/sau (mm)	1,620/1,625	1,620/1,625	Camera 360°	Màn hình tốc độ LCD 10.25 inch	
Chiều dài cơ sở (mm)	2,800	2,800	Màn hình hiển thị báo kính lái (WHUD)	Hộc đựng đồ ở bảng điều khiển trung tâm	
Bán kính quay vòng (tối thiểu (m)	5.7	5.7	Cảm biến đỗ xe	Ghế bọc da nhân tạo	
Khoảng sáng gầm xe không tải (mm)	120	120	Cảm biến độ cao phía sau (4 vùng)	Ghế bọc da tự nhiên	
Dung tích cốp trước (L)	50	50	Điểm kết nối ghế an toàn trẻ em 'ISOFIX (hàng ghế sau bên ngoài)	Ghế lái chỉnh điện 8 hướng	
Dung tích cốp sau (L)	400	400	Khoá trẻ em thủ công	Ghế lái chỉnh điện 4 hướng tựa lưng	
Trọng lượng xe không tải (kg)	1,922	2,185	Khoá trẻ em điện tử	Ghế hành khách phía trước chỉnh điện 6 hướng	
HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG			Hàng ghế trước có tính năng sưởi, thông gió		
Hộp động cơ	Cầu sau	4WD	Hàng ghế trước có tính năn có tính năng nhớ vị trí		
Loại motor điện trực trước		Motor không đồng bộ	Ghế ưu tiên		
		Motor không đồng bộ	Hàng ghế sau gấp tì lệ 60:40		
			Khay giữ cốc phía trước		
Mô-men xoắn cực đại động cơ điện phía trước (Nm)	—	310	Gương chiếu hậu trung tâm chống chói tự động		
Loại motor điện trực sau	Motor đồng bộ nam châm vĩnh cửu		Cần gạt mưa không viền tự động		
Công suất tối đa động cơ phía sau (kW/HP)	150/201	230/308	Ốp trang trí bệ cửa bằng kim loại		
Mô-men xoắn cực đại động cơ điện phía sau (Nm)	310	360	Tám cửa nâng phía trước tích hợp đèn chiếu sáng		
Tổng công suất tối đa (kW/HP)	150/201	390/522	HỆ THỐNG GIẢI TRÍ		
Tổng mô-men xoắn cực đại (Nm)	310	670	Kết nối Apple CarPlay và Android Auto		
HIỆU SUẤT			Kết nối Bluetooth		
Tăng tốc 0-100 km/h (s)	7.5	8.8	Màn hình giải trí trung tâm 15.6 inch, xoay 90°		
Quãng đường di chuyển 1 lần sạc đầy Pin - WLTC (km)	400	520	Hệ thống âm thanh 10 loa		
Quãng đường di chuyển 1 lần sạc đầy Pin - CLTC (km)	550	650	Hệ thống âm thanh DYNAUDIO 12 loa		
Độ chênh lệch	0	5	Hỗ trợ điều khiển giọng nói (tiếng Anh)		
Loại Pin	BYD Blade	BYD Blade	2 cổng USB phía trước (1 x USB-C, 1x USB-A)		
Dung lượng Pin	69.4kWh	82.5kWh	2 cổng USB phía sau (1 x USB-C, 1x USB-A)		
HỆ THỐNG KHUNG GẮM			Cáp nhậ mềm mềm từ xa		
Hệ thống treo trước	Tay đòn kép	Tay đòn kép	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG		
Hệ thống treo sau	Hàng ngang kép	Hàng ngang kép	Đèn chiếu sáng LED		
Phanh đĩa trước	Phanh đĩa	Phanh đĩa	Đèn chó dẫn đường - Follow Me Home		
Phanh đĩa sau	Phanh đĩa	Phanh đĩa	Hỗ trợ đèn pha (HMA)		
Rạp phanh ABS	ABS	ABS	Đèn LED định vị ban ngày (DRL)		
Điều khiển	Điều khiển	Điều khiển	Đèn hậu LED		
Kiểm soát nhiệt độ pin thông minh	225/50 R18	235/45 R19	Đèn sương mù phía sau		
Hệ thống phanh điện tử khẩn cấp	Phanh điện tử	Phanh điện tử	Đèn hậu LED liên mạch, dạng giọt nước		
HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG			Đèn phanh LED trên cao		
Kiểm soát nhiệt độ pin thông minh			Đèn door sách LED phía trước		
Cổng sạc AC - Loại 2 (7kW)			Đèn door sách LED phía sau		
Cổng sạc EU - CCS 2 (110 kW)			Đèn viền nội thất da sặc		
Cổng sạc EU - CCS 2 (150 kW)			Đèn khoang hành lý		
Charging mode nguồn điện AC V2L (Vehicle to Load)			TRANG BỊ TIẾN NGHI		
Charging mode nguồn điện AC V2V (Vehicle to Vehicle)			Hệ thống khoá và khởi động xe thông minh		
HỆ THỐNG AN TOÀN & CẢNH BÁO			Chìa khóa NFC		
Chức năng cảnh báo làn xe (LKA)			Sạc điện thoại không dây x 2		
Chức năng cảnh báo va chạm (AEB)			Ổ cắm phụ kiện 12V		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Hệ thống lọc bụi mịn PM2.5		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Hệ thống lọc bụi mịn CN95		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Lọc không khí tạo ion âm		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Điều hòa tự động 2 vùng		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Cửa gió điều hòa trung tâm hàng ghế sau (2 luồng gió)		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Bộ dụng cụ và lốp		
Chức năng cảnh báo điểm mù (BSM)			Bộ dụng cụ		
*GIẢI THÍCH:					
• Thông số kỹ thuật phía trên dành cho phương tiện tiêu chuẩn, tùy thuộc vào yêu cầu và quy định tại từng khu vực. Thông số kỹ thuật được cập nhật vào tháng 05/2024.					
• Phạm vi di chuyển thực tế bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như cách điều khiển xe, tải trọng, điều kiện giao thông... Phạm vi di chuyển công bố chỉ mang tính chất tham khảo.					
• Màu sắc được mô tả chỉ mang tính chất tham khảo và có thể khác với màu thực tế do quá trình in ấn.					
• Hệ thống hỗ trợ lái xe không thay thế trách nhiệm của người lái đối với phương tiện.					
• BYD có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và tính năng tiêu chuẩn của phương tiện so với bảng thông số này mà không cần báo trước.					

facebook.com/VietnamBYDAuto/
www.byd.com/vn

 tiktok.com/@byd.vietnam
 info.autovn@byd.com

